HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CA-TA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ

ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Ca-ta,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thoả thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

Phạm vi áp dụng

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

Các loại thuế bao gồm trong hiệp định

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở, hay chính quyền địa phương của nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập sẽ được coi như thuế thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

   (a) trong trường hợp của Việt Nam:

      (i) thuế thu nhập cá nhân; và

      (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp;

   (sau đây gọi là "thuế Việt Nam");

   (b) trong trường hợp của Ca-ta:

      - các loại thuế thu nhập

   (sau đây gọi là "thuế Ca-ta").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ các loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau bất kỳ thay đổi quan trọng nào trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

Các định nghĩa chung

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế;

(b) thuật ngữ "Ca-ta" có nghĩa là các vùng đất liền, nội thuỷ, lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, vùng trời phía trên, khu đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Nhà nước Ca-ta mà tại đó Nhà nước Ca-ta thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với các điều khoản của Pháp luật Quốc tế, pháp luật quốc gia và quy định của Ca-ta;

(c) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Ca-ta tuỳ ngữ cảnh đòi hỏi;

(d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

(e) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

(f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

(g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch"có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh hoặc hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại Nước ký kết đó;

(h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thuỷ hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp của một

Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thuỷ hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

(i) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng; và

(ii) đối với Ca-ta, là Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng.

2. Khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

Đối tượng cư trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là:

   (a) Trong trường hợp của Việt Nam, bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký, hoặc bất cứ tiêu chuẩn nào khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Việt Nam chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Việt Nam;

   (b) Trong trường hợp của Ca-ta, bất kỳ cá nhân nào có nhà ở thường trú, trung tâm của các quyền lợi chủ yếu hoặc thường xuyên sống ở Ca-ta và một công ty có trụ sở thành lập hoặc trụ sở điều hành ở Ca-ta. Thuật ngữ cũng bao gồm Nhà nước Ca-ta và bất kỳ cơ quan chính quyền địa phương, chính quyền cơ sở hoặc tổ chức pháp nhân của nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   (a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   (b) nếu không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

   (c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước ký kết hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó mang quốc tịch;

   (d) nếu thân phận cư trú của một cá nhân không thể xác định được theo các điểm (a), (b) và (c) nêu trên thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề bằng thoả thuận song phương.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó đối tượng đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà đối tượng đó có trụ sở điều

hành. Nếu trụ sở điều hành không thể xác định được thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề bằng thoả thuận song phương.

ĐIỀU 5

Cơ sở thường trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   (a) trụ sở điều hành;

   (b) chi nhánh;

   (c) văn phòng;

   (d) nhà máy;

   (e) xưởng;

   (f) đại lý bán hàng;

   (g) kho hàng;

   (h) trang trại hoặc đồn điền

   (i) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và

   (j) kết cấu lắp đặt, hoặc thiết bị được sử dụng để thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   (a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào;

   (b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước trong một giai đoạn hoặc

nhiều giai đoạn gộp lại trên sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

(a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá của doanh nghiệp;

(b) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

(c) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp;

(f) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ để phục vụ cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động đã được nêu từ điểm (a) đến điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của địa điểm kinh doanh cố định bắt nguồn từ sự kết hợp này có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với bất kỳ các hoạt động nào mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo các quy định tại khoản đó; hoặc

(b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện giao hàng hoá thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, một doanh nghiệp bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của nước kia hoặc bảo hiểm các rủi ro tại nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại một Nước ký kết chỉ vì doanh nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng, hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó và điều kiện được xác lập hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp đó và đại lý đó trong các quan hệ thương mại và quan hệ tài chính khác với điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

Thu nhập từ bất động sản

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền hưởng lợi từ bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thuỷ và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

Lợi nhuận kinh doanh

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

   (a) cơ sở thường trú đó;

   (b) việc bán tại Nước kia những hàng hoá cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

   (c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác mà được phép theo các quy định của nội luật của Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở

chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng bất kỳ Luật nào của một Nước ký kết liên quan tới việc xác định nghĩa vụ thuế của một đối tượng trong các trường hợp mà thông tin cũng cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của nước đó không đủ để có thể xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện là luật này sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền cho phép, phù hợp với các nguyên tắc tại điều này.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

Vận tải biển và vận tải hàng không

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 của Điều này cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

3. Các quy định tại Khoản 1 nêu trên cũng sẽ áp dụng cho thu nhập của Công ty Vận tải biển United Arab tại Việt Nam, nhưng chỉ đối với phần thu nhập thu được được phân bổ cho phần tham gia của Nhà nước Ca-ta.

ĐIỀU 9

Các doanh nghiệp liên kết

1. Khi

(a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

(b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc quan hệ tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó và đánh thuế tương ứng các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

ĐIỀU 10

Tiền lãi cổ phần

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Tuy nhiên các khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, nhưng thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

   (a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ ít nhất 50 phần trăm số vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần hoặc đã đầu tư trên 10 triệu Đô-la Mỹ, hoặc tương đương bằng tiền Ca-ta hoặc Việt Nam, trong vốn của Công ty trả tiền lãi cổ phần;

   (b) 12,5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần hoặc các quyền khác không phải các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền công ty khác chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật thuế của Nước nơi công ty thực hiện việc phân chia là đối tượng cư trú.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết kia, và việc nắm quyền giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia

của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

Lãi từ tiền cho vay

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế được tính khi đó sẽ không quá 10 phần trăm tổng số lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và trả cho Chính phủ của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

4. Theo nội dung của khoản 3, thuật ngữ "Chính phủ" sẽ bao gồm:

   (a) trong trường hợp của Việt Nam:

      (i) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

      (ii) Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

      (iii) Ngân hàng Phát triển Việt Nam; và

      (iv) Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;

   (b) trong trường hợp của Ca-ta:

      (i) Cơ quan Quản lý Đầu tư Ca-ta;

      (ii) Ngân hàng Trung ương Ca-ta;

      (iii) Các Quỹ hưu trí Ca-ta;

      (iv) Ngân hàng Phát triển Ca-ta;

   (c) bất kỳ thể chế nào khác do Chính phủ của một Nước ký kết trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu toàn bộ hoặc phần lớn có thể được các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ.

5. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của

người đi vay và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

6. Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả lãi chính là Nước đó, một cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc đối tượng cư trú của nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

8. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

Tiền bản quyền

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu người thực hưởng tiền bản quyền đó là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá:

   (a) 5 phần trăm tổng số tiền bản quyền đối với các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học;

   (b) 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền trong tất cả các trường hợp khác.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, bất kỳ bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản tiền bản quyền là đối tượng cư trú của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú đặt tại đó, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định đặt tại đó, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc (b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là chính Nước đó, một chính quyền cơ sở, hoặc một chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, cho dù có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết

hay không, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và người thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và người thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

Phí dịch vụ kỹ thuật

1. Phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất. Mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 7,5 phần trăm tổng số phí dịch vụ kỹ thuật.

2. Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho bất kỳ một đối tượng nào, không phải là một người làm công của đối tượng thực hiện chi trả, do đã tiến hành các dịch vụ mang tính chất kỹ thuật, quản lý, đào tạo hoặc tư vấn.

3. Các quy định tại khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú đặt tại đó hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, và phí dịch vụ kỹ thuật có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc các dịch vụ đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

4. Phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật chính là Nước đó, là chính quyền cơ sở, hoặc chính quyền địa phương của Nước đó, hoặc là một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú liên quan đến trách nhiệm trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc có cơ sở cố định đó.

5. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và người thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, vì bất kỳ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa người trả và người thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 14

Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản

1. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có bất động sản đó.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia, hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Thu nhập từ việc chuyển nhượng tàu thuỷ hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế hoặc động sản gắn liền với việc hoạt động của các tàu thuỷ hoặc máy bay, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đó là đối tượng cư trú.

4. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hoặc các quyền lợi tương đương tại một công ty, có tài sản bao gồm toàn bộ hoặc chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

5. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần, không phải là các cổ phần được đề cập tại khoản 4, đại diện cho một sự tham gia trên 22,5 phần trăm toàn bộ vốn cổ phần trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Thu nhập từ chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 15

Dịch vụ cá nhân độc lập

1. Thu nhập do một cá nhân là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau, khi thu nhập này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

   (a) nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

   (b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu các hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 16

Dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Thể theo quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 và 22, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi lao động làm công của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động làm công đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

   (a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế có liên quan, và

   (b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

   (c) tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thuỷ hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.

ĐIỀU 17

Thù lao giám đốc

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 18

Nghệ sỹ và Vận động viên

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh, truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 15 và 16.

3. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động được thực hiện tại Nước ký kết kia như đã được nêu tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ được miễn thuế tại Nước kia nếu chuyến biểu diễn tại Nước kia do các quỹ của một trong hai nước Nước ký kết, hoặc của chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó tài trợ toàn bộ hay phần lớn, hoặc được thực hiện theo chương trình trao đổi văn hoá hoặc thoả thuận văn hoá giữa Chính phủ của các Nước ký kết, chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 19

Tiền lương hưu và niên kim nhân thọ

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 20, tiền lương hưu và các khoản thù lao và niên kim nhân thọ tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

2. Thuật ngữ "niên kim nhân thọ" là một khoản tiền nhất định phải thanh toán theo định kỳ vào các thời điểm nhất định trong cuộc đời hoặc vào một thời kỳ cụ thể hoặc một thời kỳ có thể xác định được theo nghĩa vụ đóng góp để nhận lại một khoản chi trả toàn bộ và thoả đáng bằng tiền hoặc có giá trị như tiền.

ĐIỀU 20

Phục vụ Chính phủ

1. (a) Tiền thù lao, không phải là một khoản tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

   (b) Tuy nhiên, khoản tiền thù lao đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

      (i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

      (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. (a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của các tổ chức đó lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

   (b) Tuy nhiên, các khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3. Những quy định của các Điều 16, 17 và 19 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc bởi chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 21

Sinh viên và Thực tập sinh

1. Những khoản tiền mà một sinh viên, một học viên hoặc thực tập sinh nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên, học viên hoặc thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản thanh toán đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước đó.

2. Mặc dù có các quy định tại các Điều 15 và 16, tiền công trả cho các dịch vụ do một sinh viên, một học viên hoặc một thực tập sinh thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện các hoạt động dịch vụ như vậy có liên hệ đến việc học tập hay đào tạo của người sinh viên, học viên hoặc thực tập sinh đó.

ĐIỀU 22

Giáo viên và Nhà nghiên cứu

1. Một cá nhân hiện là hoặc ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và cá nhân đó hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hoặc tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường hoặc cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất công nhận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công từ việc giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu đó trong thời hạn ba năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất.

2. Các nội dung của 1 Điều này sẽ không áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó được thực hiện không vì lợi ích công cộng mà chủ yếu vì lợi ích của một hoặc nhiều đối tượng tư nhân nào khác.

ĐIỀU 23

Thu nhập khác

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu người thực hưởng thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp đó những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 24

Xoá bỏ việc đánh thuế hai lần

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập, theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, khi đó Nước ký kết thứ nhất sẽ cho phép hưởng một khoản khấu trừ thuế đối với thu nhập của đối tượng cư trú đó tương đương với số thuế đã nộp tại Nước ký kết kia tuy nhiên số thuế khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế được tính trước khi tính số khấu trừ phân bổ cho phần thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia.

2. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập, theo các quy định của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, Nước ký kết thứ nhất có thể đưa thu nhập này vào cơ sở tính thuế nhưng chỉ nhằm mục đích xác định mức thuế suất đối với thu nhập còn lại đó khi bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3. Theo nội dung của khoản 1 Điều này, thuế phải nộp tại Việt Nam hoặc tại Ca-ta, tùy ngữ cảnh đòi hỏi, sẽ được xem là bao gồm khoản thuế lẽ ra phải nộp tại một Nước ký kết nhưng đã được Nước ký kết đó giảm hoặc miễn theo các quy định của pháp luật Nước đó vì mục đích phát triển kinh tế.

ĐIỀU 25

Không phân biệt đối xử

1. Các đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó hoặc yêu cầu đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng đối với các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì mục đích thuế do thân phận dân sự hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết đó cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

3. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

4. Trừ trường hợp áp dụng những quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 8 Điều 11, khoản 5 Điều 12 hoặc khoản 5 Điều 13, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền, phí dịch vụ kỹ thuật và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia khi xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó sẽ được khấu trừ theo cùng các điều kiện như các khoản đó được trả cho một đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

5. Các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản thuế thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này.

6. Việc không đánh thuế đối với các đối tượng mang quốc tịch Ca-ta và Hội đồng hợp tác Vùng Vịnh (GCC) theo nội luật của Ca-ta sẽ không được xem là phân biệt đối xử theo các quy định của Điều này.

ĐIỀU 26

Thủ tục thoả thuận song phương

1. Trường hợp một đối tượng cư trú nhận thấy rằng việc giải quyết của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, mặc dù trong nội luật của các Nước đó đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú hoặc, nếu trường hợp của đối tượng đó thuộc khoản 1 Điều 25, giải trình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là một đối tượng mang quốc tịch. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh việc đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện bất kể những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của các Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cùng nhau cố gắng giải quyết mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Họ cũng có thể tham vấn với nhau để xoá bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định này.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau nhằm mục đích đạt được một thoả thuận theo nội dung những khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền, thông qua tham vấn, sẽ xây dựng các quy trình thủ tục, điều kiện, phương thức và kỹ thuật song phương thích hợp để triển khai thủ tục thỏa thuận song phương được nêu tại Điều này.

ĐIỀU 27

Trao đổi thông tin

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc của các luật trong nước liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong Nước của Nước này. Tuy nhiên, nếu thông tin này ban đầu được xem là thông tin mật tại Nước gửi thì thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách (bao gồm tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án. Các nhà chức trách có thẩm quyền, thông qua việc trao đổi, sẽ xây dựng những điều kiện phù hợp liên quan đến các vấn đề mà việc trao đổi thông tin được thực hiện kể cả khi cần thiết, trao đổi thông tin liên quan đến việc tránh thuế.

2. Không có trường hợp nào mà những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hoặc thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách quốc gia.

ĐIỀU 28

Các thành viên Cơ quan đại diện ngoại giao và Cơ quan lãnh sự

Không nội dung nào tại Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế dành cho viên chức ngoại giao hoặc nhân viên lãnh sự theo các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29

Hiệu lực

1. Mỗi Nước ký kết ký sẽ thông báo cho Nước ký kết kia bằng văn bản thông qua đường ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật pháp của nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực:

   (a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản thuế phải nộp hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 ngay sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực và trong các năm tiếp theo;

   (b) đối với các khoản thuế khác:

      (i) trong trường hợp của Việt Nam, liên quan đến thu nhập phát sinh trong năm dương lịch ngay sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và các năm dương lịch tiếp theo;

      (ii) trong trường hợp của Ca-ta, liên quan đến thu nhập phát sinh trong các năm tính thuế bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 ngay sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 30

Chấm dứt hiệu lực

Hiệp định này sẽ còn hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết chấm dứt hiệu lực. Mỗi Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản thuế phải nộp hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 ngay sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực Hiệp định;

(b) đối với các khoản thuế khác:

(i) trong trường hợp của Việt Nam, liên quan đến thu nhập phát sinh trong năm dương lịch ngay sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực Hiệp định, và trong các năm tiếp theo;

(ii) trong trường hợp của Ca-ta, liên quan đến thu nhập phát sinh trong các năm tính thuế bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 ngay sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm tại Đô-ha... ngày 22.. tháng 3... năm 2008 thành hai bản mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng A-rập và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau về các quy định của Hiệp định này, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CA-TA
Phạm Gia Khiêm Phó Thủ tướng Bộ trưởng Ngoại giao	H.E. Yousef Hussain Kamal Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE STATE OF QATAR

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES

ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the State of Qatar,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Persons Covered

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

   (a) in the case of Vietnam:

      (i) the personal income tax; and

      (ii) the business income tax;

   (hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

   (b) in the case of Qatar:

      - taxes on income

   (hereinafter referred to as "Qatari tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of any significant changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

   (a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Vietnam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law;

   (b) the term "Qatar" means the State of Qatar's lands, internal waters, territorial sea including its bed and subsoil, the air space over them, the exclusive economic zone and the continental shelf, over which the State of Qatar exercises sovereign rights and jurisdiction in accordance with the provisions of International law and Qatar's national laws and regulations;

   (c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Qatar as the context requires;

   (d) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

   (e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

   (f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

   (g) the term "national" means:

      (i) any individual possessing the nationality of a Contracting State;

      (ii) any legal person, partnership and association deriving its status as such from the laws in force in a Contracting State;

   (h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or

aircraft is operated solely between places in the other Contracting State; and

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative; and

(ii) in the case of Qatar, the Minister of Economy and Finance, or his authorized representative.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

ARTICLE 4
Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means:

   (a) in the case of Vietnam, any person who, under the laws of Vietnam, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of registration or any other criterion of a similar nature. But this term does not include any person who is liable to tax in Vietnam in respect only of income from sources in Vietnam; and

   (b) in the case of Qatar, any individual who has a permanent home, his centre of vital interest, or habitual abode in Qatar, and a company having its place of incorporation or place of management in Qatar. The term also includes the State of Qatar and any local authority, political subdivision or statutory body thereof;

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

   (a) he shall be deemed to be a resident only of the Contracting State in which he has a permanent home available to him, if he has a permanent home available to him in both Contracting States, he shall be deemed to be a resident only of the Contracting State in which his personal and economic relations are closer (Centre of Vital Interests);

   (b) if the State in which he has his center of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either Contracting State, he shall be deemed to be a resident only of the Contracting State in which he has an habitual abode;

   (c) if he has an habitual abode in both Contracting States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident only of the Contracting State in which he is a national;

   (d) if the residence status of an individual cannot be determined in accordance with the provisions of sub-paragraphs (a), (b) and (c) above, then the competent authorities of the Contracting States shall settle this question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident only of the State in which its place of effective management is

situated. If the place of effective management cannot be determined, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

ARTICLE 5

Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

   (a) a place of management;

   (b) a branch;

   (c) an office;

   (d) a factory;

   (e) a workshop;

   (f) a sales outlet;

   (g) a warehouse;

   (h) a farm or a plantation;

   (i) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of exploration, extraction or exploitation, of natural resources; and

   (j) an installation structure, or equipment used for the exploration of natural resources.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

   (a) a building site, construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months in any twelve month period;

   (b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a

period or periods aggregating more than six months in any twelve month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of collecting information for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in subparagraphs (a) to (e), provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

(a) has and habitually exercises in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

(b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, an insurance enterprise of a Contracting State shall, except in regard to re-insurance, be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State if it collects premiums in the territory of that other State or insures risks situated therein through a person other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies.

7. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, and conditions are made or imposed between that enterprise and the agent in their commercial and financial relations which differ from those which would have been made between independent enterprises, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

8. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ARTICLE 6

Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7

Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to:

   (a) that permanent establishment;

   (b) sales in that other State of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment; or

   (c) other business activities carried on in that other State of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere, which are allowed under the provisions of the domestic law of the Contracting State in which the permanent establishment is situated. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents

or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Nothing in this Article shall affect the application of any law of a Contracting State relating to the determination of the tax liability of a person in cases where the information available to the competent authority of that State is inadequate to determine the profits to be attributed to a permanent establishment, provided that such law shall be applied, so far as the information available to the competent authority permits, consistently with the principles of this Article.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude such Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8

Shipping and Air Transport

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Contracting State.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

3. The provisions of paragraph 1 above shall apply also to United Arab Shipping Company's income in Vietnam, but only to so much of the profits so derived as is attributed to the participation of the State of Qatar.

ARTICLE 9

Associated Enterprises

1. Where

   (a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

   (b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by the reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that State - and taxes accordingly – profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other State and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other State may make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall if necessary consult each other.

ARTICLE 10

Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident, but the tax so charged shall not exceed:

   (a) 5 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company which holds directly or indirectly at least 50 per cent of the capital of the company paying the dividends or has invested more than 10 million US-dollars, or the equivalent in Qatari or Vietnamese currency, in the capital of the company paying the dividends;

   (b) 12.5 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares or other rights not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a

permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other State.

ARTICLE 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, interest arising in a Contracting State and paid to the Government of the other Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State.

4. For the purpose of paragraph 3, the term "Government":

   (a) in the case of Vietnam:

      (i) State Bank of Vietnam;

      (ii) the Bank of Foreign Trade of Vietnam;

      (iii) the Vietnam Development Bank; and

      (iv) the State Capital Investment Corporation;

   (b) in the case of Qatar, means the Government of the State of Qatar and shall include:

      (i) Qatar Investment Authority;

      (ii) Qatar Central Bank;

      (iii) Qatar Retirement Funds; and

      (iv) Qatar Development Bank;

   (c) any other institution wholly or mainly owned, directly or indirectly, by the Government of a Contracting State as may be agreed from time to time between the competent authorities of the Contracting States.

5. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

6. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

7. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

8. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 12

Royalties

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in the first mentioned State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that Contracting State, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed:

   (a) 5 per cent of the gross amount of the royalties in respect of payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any patent, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience;

   (b) 10 per cent of the gross amount of royalties in all other cases.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes or discs used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, or a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or fixed base in connection with which the liability to pay the

royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 13

Technical fees

1. Technical fees arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in the first mentioned State. The tax so charged shall not exceed 7.5 percent of the gross amount of the technical fees.

2. The term "technical fees" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than to an employee of the person making the payments, in consideration for any services of a technical, managerial or consultancy nature.

3. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the technical fees, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the technical fees arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services, and the technical fees are effectively connected with such permanent establishment or such services. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

4. Technical fees shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority thereof, or a resident of that State. Where, however, the person paying the technical fees, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the obligation to pay the technical fees was incurred, and such technical fees are borne by such permanent establishment or fixed base, then such technical fees shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

5. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the technical fees paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 14

Capital Gains

1. Gains from the alienation of immovable property, as defined in Article 6, may be taxed in the Contracting State in which such property is situated.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains from the alienation of ships or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in the Contracting State of which the enterprise is a resident.

4. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares or comparable interests in a company, the assets of which consist wholly or principally of immovable property situated in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

5. Gains from the alienation of shares other than those mentioned in paragraph 4 representing a participation of more than 22.5 percent in a company which is a resident of a Contracting State may be taxed in that State.

6. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4 and 5 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

ARTICLE 15

Independent Personal Services

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) if he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

   (b) if his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the taxable year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 16

Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 17, 19, 20, 21 and 22 salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

   (a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the taxable year concerned, and

   (b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

   (c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

ARTICLE 17

Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

ARTICLE 18

Artists and Sportspersons

1. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theater, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsperson, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsperson in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsperson himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 15 and 16, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsperson are exercised.

3. Income derived by a resident of a Contracting State from activities exercised in the other Contracting State as envisaged in paragraphs 1 and 2 of this Article, shall be exempted from tax in that other State if the visit to that other State is supported wholly or substantially by funds of either Contracting State, a political subdivision or a local authority thereof, or takes place under a plan of cultural exchange or cultural agreement between the Governments of the Contracting States, a political subdivision or a local authority thereof.

ARTICLE 19

Pensions and Annuities

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 20, pensions and other similar remuneration and annuities paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State.

2. The term "annuity" means a stated sum payable periodically at stated times during life or during a specified or ascertainable period of time under an obligation to make the payments in return for adequate and full consideration in money or money's worth.

ARTICLE 20

Government Service

1. (a) Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

   (b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that other State and the individual is a resident of that other State who:

      (i) is a national of that other State; or

      (ii) did not become a resident of that other State solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

   (b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other State.

3. The provisions of Articles 16, 17 and 19 shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

ARTICLE 21

Students and Trainees

1. Payments which a student, a business apprentice or a trainee, who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

2. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16, remuneration for services rendered by a student, a business apprentice or a trainee in a Contracting State shall not be taxed in that State, provided that such services are in connection with his studies or training.

ARTICLE 22

Teachers and Researchers

1. An individual who is, or was immediately before visiting a Contracting State, a resident of the other Contracting State and is present in the first-mentioned Contracting State for the primary purpose of teaching, giving lectures or conducting research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution accredited by the Government of the first-mentioned Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State, for a period of three years from the date of his first arrival in the first-mentioned Contracting State, in respect of remuneration for such teaching, lectures or research.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply to income from research if such research is undertaken not in the public interest but primarily for the benefit of a private person or persons.

ARTICLE 23

Other Income

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident of a Contracting State not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement and arising in the other Contracting State may also be taxed in that other State.

ARTICLE 24

Elimination of Double Taxation

1. Where a resident of a Contracting State derives income which, in accordance with the provisions of this Agreement, is taxable in the other Contracting State, then the first mentioned State shall allow as a deduction from the tax on income of that resident an amount equal to the tax paid in the other Contracting State provided that such deduction shall not exceed that part of the tax, as computed before the deduction is given, which is attributable to the income derived from the other Contracting State.

2. Where a resident of a Contracting State derives income which in accordance with the provisions of this Agreement, shall be taxable only in the other Contracting State, the first mentioned Contracting State may include this income in the tax base but only for the purposes of determining the rate of tax on such other income as is taxable in that Contracting State.

3. For the purposes of paragraph 1 of this Article, the tax payable in Vietnam or in Qatar, as the context requires, shall be deemed to include the tax which is otherwise payable in a Contracting State but has been reduced or waived by that Contracting State under its legal provisions for economic development.

ARTICLE 25

Non-discrimination

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities. This provision shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

3. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

4. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 8 of Article 11, paragraph 5 of Article 12 or paragraph 5 of Article 13 apply, interest, royalty, technical fees and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned State.

5. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

6. The non taxation of Qatari and Gulf Cooperation Council (GCC) nationals under Qatari domestic law shall not be regarded as a discrimination under the provisions of this Article.

ARTICLE 26

Mutual Agreement Procedure

1. Where a resident considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall jointly endeavour to resolve any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs. The competent authorities, through consultations, shall develop appropriate bilateral procedures, conditions, methods and techniques for the implementation of the mutual agreement procedure provided for in this Article.

ARTICLE 27

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to this Agreement. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic law of that State. However, if the information is originally regarded as secret in the transmitting State it shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) concerned with the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions. The competent authorities shall, through consultation, develop appropriate conditions, methods and techniques concerning the matters in respect of which such exchanges of information shall be made, including, where appropriate, exchanges of information regarding tax avoidance.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy (ordre public).

ARTICLE 28

Members of Diplomatic Missions and Consular Posts

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 29

Entry into Force

1. Each of the Contracting State shall notify to the other in writing through the diplomatic channel the completion of the procedures required by its legislation for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the thirtieth day after the date of the later of these notifications.

2. This Agreement shall have effect:

   (a) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid or credited on or after 1st January immediately following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar years;

   (b) in respect of other taxes:

      (i) in the case of Vietnam, in relation to income arising in the calendar year immediately following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar years;

      (ii) in the case of Qatar, in relation to income arising in taxable years commencing on or after 1st January immediately following the calendar year in which the Agreement enters into force.

ARTICLE 30

Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting States. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving to the other Contracting State a written notice of termination at least six months before the end of any calendar year beginning after the expiry of five years from the date of entry into force of the Agreement. In such event, the Agreement shall cease to have effect:

(a) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid or credited on or after 1st January immediately following the calendar year in which the notice of termination is given;

(b) in respect of other taxes:

(i) in the case of Vietnam, in relation to income arising in the calendar year immediately following the calendar year in which the notice of termination is given, and in subsequent calendar years;

(ii) in the case of Qatar, in relation to income arising in taxable years commencing on or after 1st January immediately following the calendar year in which the notice of termination is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Doha this 8 day of March 2009 in the Vietnamese, Arabic and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	**FOR THE GOVERNMENT OF THE STATE OF QATAR**
H. E. Pham Gia Khiem	**H. E. Yousef Hussain Kamal**
Depute Prime Minister *Minister of Foreign Affairs*	*Minister of Economy and Finance*

مشروع

اتفاقية

بين

حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية

و

حكومة دولة قطر

بشأن تجنب الازدواج الضريبي ومنع التهرب المالي

فيما يتعلق بالضرائب على الدخل

إن حكومة جمهورية فيتنام الإشتراكية و حكومة دولة قطر ،

رغبة منهما في إبرام اتفاقية لتجنب الازدواج الضريبي ومنع التهرب المالي فيما يتعلق بالضرائب على الدخل،

قد اتفقتا على ما يلي :

مادة (1)

الأشخاص الذين تنطبق عليهم هذه الاتفاقية

تطبق أحكام هذه الاتفاقية على الأشخاص المقيمين في إحدى الدولتين المتعاقدتين أو في كليهما.

مادة (2)

الضرائب المشمولة

1- تطبق هذه الاتفاقية على ضرائب الدخل المفروضة من قبل كل دولة متعاقدة أو وحداتها السياسية الفرعية أو سلطاتها المحلية، بغض النظر عن الطريقة التي تفرض بها.

2- تعتبر ضرائب على الدخل كل الضرائب المفروضة على إجمالي الدخل أو على عناصر من الدخل.

3- الضرائب الحالية التي تطبق عليها هذه الاتفاقية هي:

أ) في حالة فيتنام:

(1) ضريبة الدخل الشخصية، و

(2) ضريبة دخل الأعمال،

((ويشار إليها فيما بعد بـ "الضريبة الفيتنامية"))،

ب) في دولة قطر:

- الضرائب على الدخل،

((ويشار إليها فيما بعد بـ "الضريبة القطرية")).

4- تطبق هذه الاتفاقية أيضاً على أية ضرائب مماثلة أو مشابهة في جوهرها قد تفرض بعد تاريخ توقيع هذه الاتفاقية، بالإضافة إلى الضرائب الحالية أو بدلاً عنها. ويجب على السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين إبلاغ إحداهما الأخرى بأية تغييرات جوهرية قد يتم إدخالها على القوانين الضريبية الخاصة بكل منهما.

مادة (3)

تعاريف عامة

1- لأغراض هذه الاتفاقية، وما لم يقتض سياق النص غير ذلك:

أ) يعني مصطلح " فيتنام " جمهورية فيتنام الاشتراكية ، وعند استخدامه من منظور جغرافي يشمل إقليمها البري والجزر والمياه الإقليمية، والفضاء الجوي الذي يعلوها، والمناطق البحرية وراء المياه الإقليمية بما في ذلك قاعها وباطنها تحت البحر والذي تمارس عليها جمهورية فيتنام الاشتراكية سيادتها، وحقوقها السيادية واختصاصها القضائي وفقاً للتشريعات الوطنية والقانون الدولي،

ب) يعني مصطلح " قطر" الأراضي والمياه الداخلية والإقليمية لدولة قطر وقاعها وباطنها، والفضاء الجوي الذي يعلوها والمنطقة الاقتصادية الخالصة والجرف القاري، والتي تمارس عليها دولة قطر حقوقها السيادية واختصاصها القضائي، وفقاً لأحكام القانون الدولي ولقوانينها وأنظمتها الداخلية ،

ج) تعني عبارتا "الدولة المتعاقدة" و "الدولة المتعاقدة الأخرى" فيتنام أو قطر حسبما يقتضي سياق النص،

د) يشمل لفظ "شخص" أي شخص طبيعي أو شركة، أو أية مجموعة أخرى من الأشخاص،

هـ) يعني لفظ "شركة" أية شخصية اعتبارية أو أي كيان يعامل معاملة الشخصية الاعتبارية لأغراض الضريبة،

و) يعني مصطلح "مشروع دولة متعاقدة" ومصطلح "مشروع الدولة المتعاقدة الأخرى" على التوالي أي مشروع يديره مقيم في دولة متعاقدة، وأي مشروع يديره مقيم في الدولة المتعاقدة الأخرى،

ز) يعني لفظ "مواطن":

(1) أي شخص طبيعي يحمل جنسية دولة متعاقدة،

(2) أي شخص قانوني وشراكة وجمعية تستمد وضعها القانوني ذاك، من القوانين النافذة في دولة متعاقدة،

ك) يعني مصطلح "النقل الدولي" أي نقل بواسطة سفينة أو طائرة يتولى تشغيلها مشروع دولة متعاقدة، ما عدا الحالات التي يقتصر فيها تشغيل السفينة أو الطائرة بين أماكن تقع في داخل الدولة المتعاقدة الأخرى، و

ل) يعني مصطلح "السلطة المختصة":

1) في حالة فيتنام، وزير المالية، أو من يمثله قانوناً،

2) في حالة قطر، وزير الاقتصاد والمالية، أو من يمثله قانوناً.

2- فيما يخص تطبيق الاتفاقية من قبل دولة متعاقدة، فإن أي مصطلح لم يرد تعريفه فيها، وما لم يقتض سياق النص خلاف ذلك، يكون له ذات المعنى في ذلك الوقت المنصوص عليه بموجب قانون تلك الدولة لأغراض الضرائب المنطبقة عليها هذه الاتفاقية.

مادة (4)

المقيـــم

1- لأغراض هذه الاتفاقية فإن عبارة " مقيم في دولة متعاقدة " تعني:

أ) في حالة فيتنام، أي شخص، وفقاً لقوانين فيتنام، يكون خاضعاً للضريبة وذلك بسبب إقامته أو سكنه أو محل إدارته أو مكان تسجيله أو أي معيار آخر ذي طبيعة مماثلة. لكن هذه العبارة لا تشمل أي شخص خاضع للضريبة في فيتنام فقط على مصادر دخله الناشئة في فيتنام،

ب) في حالة قطر، أي فرد أن يكون له في قطر سكن دائم، أو مركز مصالحه الحيوية، أو مكان إقامته الاعتيادي، وأي شركة يكون مكان تأسيسها أو مكان إدارتها في قطر. وتشمل هذه العبارة كذلك دولة قطر وأي سلطة محلية أو وحدة سياسية فرعية أو كيان قانوني تابع لها.

2- عندما يكون الفرد مقيماً وفقاً لأحكام البند (1) من هذه المادة، في كلتا الدولتين المتعاقدتين، عندئذ يجب أن يتحدد وضعه على النحو التالي :

أ) يعتبر مقيماً فقط في الدولة المتعاقدة التي يتوفر له فيها سكن معتاد متاح له، فإن توفر له سكن معتاد متاح له في كلتا الدولتين المتعاقدتين، فيعتبر مقيماً فقط في الدولة المتعاقدة التي يرتبط معها بعلاقات شخصية واقتصادية أوثق (مركز المصالح الحيوية)،

ب) إذا كان تحديد الدولة التي يكون له فيها مركز مصالحه الحيوية غير ممكنا، أو إذا لم يكن لديه سكن معتاد في أي من الدولتين المتعاقدتين، فيعتبر مقيماً فقط في الدولة المتعاقدة التي يكون له فيها إقامة معتادة،

ج) إذا كان له سكن معتاد في كلتا الدولتين المتعاقدتين، أو لم يكن له سكن معتاد في أي منهما، فيعتبر مقيماً فقط في الدولة المتعاقدة التي يكون من أحد مواطنيها،

د) إذا كانت حالة الإقامة للفرد لا يمكن تحديدها وفقاً لأحكام البنود الفرعية (أ) و (ب) و (ج) أعلاه، يجب على السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين تسوية الأمر باتفاق مشترك.

3- إذا كان شخص، بموجب أحكام البند (1) من هذه المادة، خلافاً عن الفرد، يقيم في كلتا الدولتين المتعاقدتين، عندئذ يجب أن يعتبر مقيماً فقط في الدولة التي يوجد فيها مركز إدارته الفعلية. إذا كان لا يمكن تحديد مركز إدارته الفعلية، فيجب على السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين تسوية الأمر باتفاق مشترك.

مادة (5)

المنشـــأة الدائمـــة

1- لأغراض هذه الاتفاقية تعني عبارة "المنشأة الدائمة" المقر الثابت للأعمال الذي يتم من خلاله مزاولة نشاط المشروع كلياً أو جزئياً.

2- تشمل عبارة "المنشأة الدائمة" بوجه خاص:

أ) مقر إدارة،

ب) فرع ،

ج) مكتب،

د) مصنع،

هـ) ورشة،

و) منفذ للبيع،

ز) مستودع،

ك) مزرعة أو حقل،

ل) منجم، بئر نفط أو غاز، محجر أو مكان آخر لاستكشاف أو استخراج أو استغلال الموارد الطبيعية،

ج) الهياكل المركبة أو المعدات المستخدمة في التنقيب عن الموارد الطبيعية.

3- يشمل مصطلح "المنشأة الدائمة" الآتي:

أ) موقع أو مشروع بناء، تشييد، تجميع، أو تركيب أو أنشطة إشرافية ذات صلة بما سبق، ولكن شريطة أن يستمر ذلك الموقع أو المشروع أو النشاط لفترة تزيد على ستة أشهر خلال أية فترة اثنا عشر شهراً،

ب) تقديم خدمات بما فى ذلك الخدمات الاستشارية التى يقدمها مشروع بواسطة موظفيها أو موظفين آخرين يستخدمهم المشروع لذلك الغرض، شريطة أن يستمر ذلك النوع من الأنشطة (لنفس المشروع أو له صلة بالمشروع) داخل الدولة لفترة أو فترات تزيد في مجموعها على ستة أشهر خلال أية فترة اثنا عشر شهراً.

4- على الرغم من الأحكام السابقة من هذه المادة ، تعتبر عبارة " المنشأة الدائمة" غير مشتملة على الآتي:

أ) استخدام مرافق فقط لغرض تخزين أو عرض البضائع أو السلع المملوكة للمنشأة،

ب) الاحتفاظ بمخزون من البضائع أو السلع مملوكة للمنشأة فقط لأغراض التخزين أو العرض،

ج) الاحتفاظ بمخزون من البضائع أو السلع مملوكة للمنشأة فقط لأغراض التصنيع من قبل مشروع آخر،

د) الاحتفاظ بمقر ثابت للأعمال فقط لغرض جمع معلومات للمشروع،

هـ) الاحتفاظ بمقر ثابت للأعمال فقط لغرض القيام لفائدة المشروع بأية أنشطة ذات طبيعة تحضيرية أو مساندة ،

و) الاحتفاظ بمقر ثابت للأعمال فقط لغرض أي جمع للأنشطة المذكورة في الفقرات الفرعية من (أ) إلى (هـ) من هذا البند، شريطة أن يكون مجمل نشاط المقر الثابت للأعمال الناتج عن هذا الجمع ذا صفة تحضيرية أو مساعدة.

5- علي الرغم من أحكام البندين (1) و (2) من هذه المادة، إذا عمل شخص، غير وكيل ذي وضع مستقل والذي تسري عليه أحكام البند (7) من هذه المادة، يعمل في دولة متعاقدة نيابة عن مشروع تابع للدولة المتعاقدة الأخرى، فيعتبر ذلك المشروع مالكا لمنشأة دائمة في الدولة المذكورة أولاً فيما يتعلق بأية أنشطة يقوم بها ذلك الشخص لفائدة المشروع، إذا كان ذلك الشخص:

أ) يمتلك أو يمارس عادة في تلك الدولة سلطة إبرام عقود نيابة عن المشروع، ما لم تكن أنشطة ذلك الشخص مقتصرة على الأنشطة المذكورة في البند (4) من هذه المادة، والتي إذا مورست من خلال مقر ثابت للأعمال لا يجعل من مقر الأعمال الثابت ذلك منشأة دائمة وفقا لأحكام هذا البند، أو

ب) ليست لديه مثل تلك السلطة وإنما يحتفظ عادة بمخزون من البضائع أو السلع في الدولة المذكورة أولاً، يقوم من خلاله بتسليم بضائع وسلع بصفة منتظمة نيابة عن المشروع.

6- بالرغم من الأحكام السابقة من هذه المادة، يعتبر مشروع تأمين في دولة متعاقدة، بإستثناء إعادة التأمين، منشأة دائمة في الدولة المتعاقدة الأخرى، إذا كان يحصّل أقساطاً في إقليم تلك الدولة الأخرى أو يؤمن ضد مخاطر كائنة فيها من خلال شخص خلاف الوكيل ذي الوضع المستقل الذى يخضع لحكم البند (7) من هذه المادة.

7- لا يعتبر مشروع مالكاً لمنشأة دائمة في دولة متعاقدة لمجرد أنه يزاول أعمالاً في هذه الدولة من خلال سمسار، أو وكيل عام بعمولة أو أي وكيل آخر ذي وضع مستقل، شريطة أن يكون مثل هؤلاء الأشخاص يعملون في النطاق المعتاد لأعمالهم. غير أنه عندما تكون أنشطة ذلك الوكيل مكرسة على نحو كلي أو شبه كلي بإسم ذلك المشروع وتوضع أو تفرض بين المشروع والوكيل في علاقاتهما التجارية والمالية شروط تختلف عن الشروط التى كانت ستوضع بين المشروعات المستقلة، فإنه لا يعتبر وكيلاً ذا وضع مستقل بمفهوم هذا البند.

8- إذا كانت شركة مقيمة في دولة متعاقدة تتحكم أو يتحكم بها من قبل شركة مقيمة في الدولة المتعاقدة الأخرى، أو تزاول أعمالاً في تلك الدولة الأخرى (سواء من خلال منشأة دائمة أو خلافه)، فإن ذلك لا يجعل بحد ذاته أى من الشركتين منشأة دائمة للشركة الأخرى.

مادة (6)

الدخل من أموال غير منقولة

1- يجوز إخضاع الدخل الذي يحصل عليه مقيم في دولة متعاقدة من أموال غير منقولة (بما في ذلك الدخل من الزراعة أو الغابات) موجودة في الدولة المتعاقدة الأخرى، للضريبة في تلك الدولة الأخرى.

2 يكون لعبارة "أموال غير منقولة" المعنى المقصود بها بمقتضى قانون الدولة المتعاقدة التي توجد بها هذه الأموال المعنية ، وفي جميع الأحوال، تشمل هذه العبارة الملكية الملحقة بالأموال غير المنقولة أو المواشي والآلات المستخدمة في الزراعة والغابات، والحقوق التي تطبق عليها الأحكام العامة للقانون المتعلقة بملكية الأراضي، وحق الانتفاع بأموال غير منقولة وحقوق على الدفعات المتغيرة أو الثابتة كمقابل للتشغيل أو حق تشغيل واستغلال المخزونات المعدنية والمصادر ، والموارد الطبيعية الأخرى ، ولا تعتبر السفن والطائرات من الأموال غير المنقولة.

3- تطبق أحكام البند (1) من هذه المادة ، على الدخل المتحقق من الاستخدام المباشر أو تأجير أو من أي شكل من أشكال استخدام أموال غير منقولة.

4- تطبق أحكام البندين (1) و (3) من هذه المادة، أيضاً على الدخل المتحقق من أموال غير منقولة للمشروع، وعلى الدخل المتحقق من أموال غير منقولة مستخدمة في أداء خدمات شخصية مستقلة.

مادة (7)

أربـاح الأعمـال

1- تخضع أرباح مشروع تابع لدولة متعاقدة للضريبة فقط في هذه الدولة ما لم يزاول المشروع نشاطاً في الدولة المتعاقدة الأخرى من خلال منشأة دائمة موجودة فيها. فإذا زاول المشروع النشاط كما ذكر سالفاً، فإنه يجوز أن تخضع أرباحه للضريبة في الدولة الأخرى ولكن فقط بالقدر الذى ينسب إلى:

أ) تلك المنشأة الدائمة، أو

ب) مبيعات بضائع أو سلع داخل تلك الدولة الأخرى مماثلة أو مشابهة في نوعها لتلك المباعة من خلال المنشأة الدائمة. أو

ج) الأنشطة التجارية الأخرى التى تزاول في تلك الدولة الأخرى من ذات الأنشطة المماثلة أو الأنشطة المشابهة من خلال تلك المنشأة الدائمة.

2- مع مراعاة أحكام البند (3) من هذه المادة ، حيثما يزاول مشروع تابع لدولة متعاقدة نشاطاً في الدولة المتعاقدة الأخرى من خلال منشأة دائمة موجودة فيها، تنسب إلى تلك المنشأة الدائمة في كل دولة متعاقدة الأرباح المتوقع تحقيقها فيما لو كانت مشروعاً متميزاً ومنفصلاً يباشر ذات الأنشطة أو أنشطة مشابهة تحت ذات الظروف أو في ظروف مشابهة ويتعامل بشكل مستقل تماماً مع المشروع الذي يشكل منشأة دائمة له.

3- عند تحديد أرباح منشأة دائمة، يسمح بخصم المصاريف التي تم تحملها لأغراض نشاط المنشأة الدائمة، بما في ذلك المصاريف التنفيذية والإدارية العامة التي تم تحملها على هذا النحو سواء كانت في الدولة التي توجد فيها المنشأة الدائمة أو في أي مكان آخر، والمسموح بها وفقاً لأحكام القانون الداخلي في الدولة المتعاقدة التي تقع فيها المنشأة الدائمة. ومع ذلك ، لا يسمح بمثل ذلك الخصم فيما يتعلق بالمبالغ المدفوعة (غير المتعلقة لتسديد النفقات الفعلية) إن وجدت من قبل المنشأة الدائمة إلى المكتب الرئيسي للمشروع أو أي من مكاتبها الأخرى، عن طريق أتاوات، أو رسوم أو أي مدفوعات أخرى مماثلة في مقابل استخدام براءات الاختراع أو حقوق أخرى، أو عن طريق عمولة لقاء خدمات محدّدة أو مقابل خدمات إدارية باستثناء، أو، في حالة المشاريع المصرفية، على سبيل الفائدة على الأموال التى تم إقراضها لمنشأة دائمة بطريقة مماثلة،

ويجب أن لا يؤخذ في الاعتبار عند تحديد أرباح المنشأة الدائمة، المبالغ المدفوعة، (باستثناء ، تلك

المتعلقة بتسديد النفقات الفعلية) من قبل المنشأة الدائمة لمكتبها الرئيسي أو أي من مكاتبها الأخرى، عن طريق الاتاوات، أو رسوم أو أي مدفوعات أخري مماثلة في مقابل استخدام براءات الاختراع أو حقوق أخرى، أو عن طريق عمولة لقاء خدمات محددة مؤداه أو خدمات إدارية، أو، باستثناء في حالة المؤسسات المصرفية، عن طريق الفائدة على الأموال التى تم إقراضها إلى المكتب الرئيسي للمنشأة أو أي من مكاتبها الأخرى.

4- لا يوجد هذه المادة ما يؤثر على تطبيق أي قانون دولة متعاقدة في الحالات المتعلقة بتحديد الدين الضريبي للشخص في الحالات التى تكون فيها المعلومات المتوفرة لدى السلطة المختصة لتلك الدولة غير كافية لتحديد الأرباح التى تنسب لمنشأة دائمة، شريطة أن يكون تطبيق هذا القانون متفقاً مع المبادئ المتضمنة في هذه المادة وذلك بالقدر الذى تسمح به المعلومات المتوفرة للسلطة المختصة.

5- إذا جرى العرف في دولة متعاقدة على تحديد الأرباح المنسوبة إلى منشأة دائمة على أساس تقسيم للأرباح الكلية للمشروع على مختلف أقسامه، فإن أحكام البند (2) من هذه المادة، لا تمنع تلك الدولة المتعاقدة من تحديد الأرباح التى ستخضع للضريبة على أساس مثل هذا التقسيم النسبي الذى جرى عليه العرف، غير أن طريقة التقسيم النسبي المتبعة يجب أن تؤدى إلى نتيجة تتفق مع المبادئ التى تضمنتها هذه المادة.

6- لأغراض البنود السابقة، تحدد الأرباح التي تنسب إلى المنشأة الدائمة بذات الأسلوب سنة بعد أخرى ما لم يكن هناك سبب جيد وكاف ليفيد عكس ذلك.

7- حيثما تشمل الأرباح على عناصر للدخل تطرقت إليها على نحو في مفصل مواد أخرى من هذه الاتفاقية، فيجب أن لا تتأثر أحكام تلك المواد بأحكام هذه المادة.

مادة (8)

النقل البحري والجوي

1- تخضع الأرباح المتحققة من قبل مشروع دولة متعاقدة من تشغيل سفن أو طائرات في النقل الدولي للضريبة فقط في تلك الدولة المتعاقدة.

3- تطبق أحكام البند (1) من هذه المادة ، أيضاً على الأرباح المتحققة من الاشتراك في تجمع (POOL) أو أعمال مشتركة أو وكالة تشغيل دولية.

4- تطبق أحكام البند (1) من هذه المادة، على الدخل الذى تحققه شركة الملاحة العربية المتحدة في فيتنام، ولكن فقط بقدر الأرباح المنسوبة لمساهمة دولة قطر.

مادة (9)

المشروعات المشتركة

1- حيثمـــا:

أ) يساهم مشروع دولة متعاقدة بشكل مباشر أو غير مباشر، في إدارة أو رقابة أو في رأسمال مشروع تابع لدولة متعاقدة أخرى، أو

ب) يساهم نفس الأشخاص، بشكل مباشر أو غير مباشر ، في إدارة أو رقابة أو في رأسمال مشروع تابع لدولة متعاقدة ومشروع تابع للدولة المتعاقدة الأخرى.

وفي أي من هاتين الحالتين، إذا وضعت أو فرضت شروط فيما بين المشروعين في علاقاتهما التجارية أو المالية تختلف عن تلك الشروط التي يمكن وضعها بين مشروعين مستقلين، فإن أية أرباح كان يمكن لأي من المشروعين تحقيقها لو لم تكن هذه الشروط إلا أنه لم يحققها بسبب وجود هذه الشروط، فإنه يجوز تضمينها في أرباح هذا المشروع وإخضاعها للضريبة تبعاً لذلك.

2- إذا أدرجت دولة متعاقدة أرباح مشروع تابع لها ،وأخضعت للضريبة تبعاً لذلك، أرباح مشروع تابع للدولة المتعاقدة الأخري خضعت للضريبة في الدولة المتعاقدة الأخري، وكانت الأرباح التى تم إدراجها على هذا النحو، أرباحاً كان من الممكن أن تتحقق المشروع التابع للدولة المتعاقدة المذكورة أولاً لو كانت الشروط الموضوعة بين المشروعين هي نفسها التى يمكن أن تكون قائمة بين مشروعين مستقلين، عندئذ يجوز للدولة الأخرى أجراء التعديل المناسب على مبلغ الضريبة المفروضة على تلك الأرباح، وعند إجراء هذا التعديل، يجب أن تراعي الأحكام الأخرى لهذه الإتفاقية، وعلى السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين التشاور فيما بينهما إذا اقتضت الضرورة ذلك.

مادة (10)

أرباح الأسهم

1- يجوز أن تخضع أرباح الأسهم التي تدفعها شركة مقيمة في دولة متعاقدة إلى مقيم في الدولة المتعاقدة الأخرى للضريبة في تلك الدولة الأخرى.

2- ومع ذلك، يجوز أن تخضع أرباح هذه الأسهم للضريبة في الدولة المتعاقدة التي تكون فيها الشركة الدافعة لأرباح الأسهم مقيمة ، إلا أن الضريبة المفروضة يجب أن لا تزيد علي:

أ) 5 بالمائة من المبلغ الإجمالي لأرباح الأسهم إذا كان المالك المنتفع شركة، تملك مباشرة أو غير مباشرة على الأقل 50 بالمائة من رأس مال الشركة الدافعة لأرباح الأسهم أو استثمرت أكثر من 10 مليون دولار أمريكي أو ما يعادلها بالعملة القطرية أو الفيتنامية، في رأس مال الشركة الدافعة لأرباح الأسهم،

ب) 12,5 بالمائة من المبلغ الإجمالي لأرباح الأسهم في جميع الحالات الأخرى،

ولا يؤثر هذا البند علي فرض الضريبة على الشركة فيما يتعلق بالأرباح التى تدفع منها أرباح الأسهم.

3- تعني عبارة "أرباح الأسهم" الوارد في هذه المادة، الدخل المتحقق من أسهم، أو من حقوق أخرى على أن لا تكون مطالبات ديون، مشاركة في الأرباح، أو كذلك الدخل المتحقق من حقوق اعتبارية أخرى خاضعة لذات المعاملة الضريبية كدخل متحقق من أسهم بمقتضى قوانين الضريبة للدولة التي تكون الشركة الدافعة مقيمة فيها.

4- لا تطبق أحكام البندين (1) و (2) من هذه المادة ، إذا كان المالك المنتفع من أرباح الأسهم ، كونه مقيماً في دولة متعاقدة، يزاول أعمالاً في الدولة المتعاقدة الأخرى التي تقيم فيها الشركة الدافعة لأرباح الأسهم من خلال منشأة دائمة موجودة فيها، أو إذا كان المالك المنتفع يؤدي في تلك الدولة الأخرى خدمات شخصية مستقلة من مقر ثابت فيها، وكانت الملكية التي تدفع بسببها أرباح الأسهم مرتبطة ارتباطاً فعلياً بهذه المنشأة الدائمة

أو المقر الثابت. ففي مثل هذه الحالة تطبق أحكام المادة (7) أو المادة (15) من هذه الاتفاقية، حسب الحالة.

5-حيثما تحصل شركة مقيمة في دولة متعاقدة على أرباح أو دخل من الدولة المتعاقدة الأخرى، فلا يجوز لتلك الدولة الأخرى أن تفرض أية ضريبة على أرباح الأسهم التي تدفعها الشركة، إلا بقدر ما يدفع من أرباح هذه الأسهم إلى مقيم في تلك الدولة المتعاقدة الأخرى أو بالقدر الذي تكون فيه الملكية التي تدفع بسببها أرباح الأسهم مرتبطة ارتباطاً فعلياً بمنشأة دائمة أو مقر ثابت يقع في تلك الدولة الأخرى، كما لا يجوز لها أيضاً إخضاع أرباح الشركة غير الموزعة لضريبة على أرباح الشركة غير الموزعة حتى لو كانت أرباح الأسهم المدفوعة أو الأرباح غير الموزعة تتكون بشكل كلي أو جزئي من أرباح أو دخل متحقق من تلك الدولة الأخرى.

مادة (11)

الفائدة

1- يجوز أن تخضع الفائدة التي تنشأ في دولة متعاقدة والتي تدفع إلى مقيم في الدولة المتعاقدة الأخرى للضريبة في تلك الدولة الأخرى.

2- ومع ذلك، يجوز أن تخضع هذه الفائدة للضريبة في الدولة المتعاقدة التي نشأت فيها، ولكن إذا كان المالك المنتفع من الفائدة ووفقاً لقوانين تلك الدولة مقيماً في الدولة المتعاقدة الأخرى، فيجب أن لا تتجاوز الضريبة المفروضة نسبة 10 بالمائة من إجمالي مبلغ الفائدة.

3- على الرغم من أحكام البند (2) من هذه المادة ، تعفى من الضريبة الفوائد الناشئة في دولة متعاقدة والمدفوعات لحكومة الدولة المتعاقدة الأخرى من الضريبة في الدولة المتعاقدة المذكورة أولاً.

5- لأغراض البند (3) من هذه الإتفاقية يعنى مصطلح " حكومة":

أ) في حالة فيتنام:

(1) بنك الدولة الفيتنامي،

(2) بنك فيتنام للتجارة الخارجية،

(3) بنك فيتنام للاستثمار،

(4) مؤسسة الدولة لاستثمار رأس المال،

ب- في حالة قطر، يعني حكومة دولة قطر ويشمل:

(1) جهاز قطر للاستثمار،

(2) مصرف قطر المركزي،

(3) صناديق التقاعد القطرية،

(4) بنك قطر للتنمية،

ج- أية مؤسسة تملكها كلياً أو رئيسياً بصورة مباشرة أو غير مباشرة حكومة دولة متعاقدة ، كما يتم الاتفاق عليه من وقت لآخر بين السلطتين المختصتين للدولتين المتعاقدتين.

5- يعني مصطلح "الفائدة" حسب استخدامه في هذه المادة الدخل الناشئ من مطالبات الديون بجميع أنواعها سواء كانت مضمونة أو غير مضمونة برهن، وسواء كانت تحمل أو لا تحمل حق المشاركة في أرباح المدين، وبالتحديد، الدخل المتحقق من الأوراق المالية الحكومية والدخل من السندات أو سندات المديونية بما في ذلك علاوات الإصدار والجوائز المرتبطة بتلك الأوراق المالية أو السندات أو سندات المديونية. لأغراض هذه المادة، لا تعتبر غرامات تأخير السداد على أنها فائدة.

6- لا تطبق أحكام البندين (1) و (2) من هذه المادة ، إذا كان المالك المنتفع من الفائدة، كونه مقيماً في دولة متعاقدة، ويزاول عملاً في الدولة المتعاقدة الأخرى التي تنشأ فيها الفائدة من خلال منشأة دائمة توجد فيها، أو إذا كان يزاول في تلك الدولة الأخرى خدمات شخصية مستقلة من مقر ثابت يقع فيها، وكانت مطالبات الديون التي تدفع بسببها الفائدة مرتبطة ارتباطاً فعلياً بالأتي:

(أ) بتلك المنشأة الدائمة أو بذلك المقر الثابت، **(ب)** أو بالأنشطة التجارية المشار إليها في الفقرة الفرعية (ج) من البند (1) من المادة (7) ففي مثل هذه الحالة، تطبق أحكام المادة (7) أو المادة (15) من هذه الاتفاقية، حسب الحالة.

7- تعتبر الفائدة متحققة في دولة متعاقدة عندما يكون دافع الفائدة تلك الدولة نفسها أو قسم سياسي فرعي أو سلطة محلية تابعة لها أو مقيم فيها. ومع ذلك، إذا كان للشخص الذي يدفع الفائدة، سواء كان مقيماً في دولة متعاقدة أم غير مقيم فيها، منشأة دائمة أو مقر ثابت في دولة متعاقدة ترتبط به المديونية التي دفع عنها الفائدة وتحملت تلك المنشأة الدائمة أو ذلك المقر الثابت عبء هذه الفائدة، فإن مثل هذه الفائدة تعتبر ناشئة في الدولة المتعاقدة التي تقع فيها المنشأة الدائمة أو المقر الثابت.

8- حيثما يتبين، بسبب علاقة خاصة بين الدافع والمالك المنتفع أو بينهما معاً وبين شخص آخر، بأن قيمة الفائدة، مع مراعاة المطالبة بالدين الذي تدفع عنه، تتجاوز القيمة التي يمكن أن يكون قد تم الاتفاق عليها بين الدافع والمالك المنتفع في غياب هذه العلاقة، عندئذ تتطبق أحكام هذه المادة فقط على القيمة الأخيرة المشار إليها. وفي مثل هذه الحالة يبقى الجزء الزائد من المدفوعات خاضعاً للضريبة وفقاً لقوانين كل من الدولتين المتعاقدتين ، وذلك مع مراعاة الأحكام الأخرى الواردة في مثل هذه الاتفاقية.

مادة (12)

الأتـــاوات

1- يجوز أن تخضع الأتاوات التي تنشأ في دولة متعاقدة وتدفع إلى مقيم في الدولة المتعاقدة الأخرى، للضريبة في الدولة المذكورة أولاً.

2- ومع ذلك، يجوز أن تخضع أيضاً تلك الإتاوات للضريبة في الدولة المتعاقدة التي تنشأ فيها وفقاً لقوانين تلك الدولة المتعاقدة، ولكن إذا كان المالك المنتفع من الأتاوات مقيماً في الدولة المتعاقدة الأخرى، فيجب أن لا تتجاوز الضريبة المفروضة:

أ) 5 بالمائة من إجمالي مبلغ الأتاوات بالنسبة للمدفوعات أيا كان نوعها نظير استعمال أو حق استعمال أي براءة اختراع، تصميم أو نموذج، مخطط، تركيبة أو عملية سرية، أو الاستعمال، أو الحق في استعمال معدات صناعية وتجارية أو علمية، أو مقابل معلومات تتعلق بتجربة صناعية أو تجارية أو علمية.

ب) 10 بالمائة من إجمالي مبلغ الأتاوات في جميع الحالات الأخرى.

3- تعني عبارة " الأتاوات " حسب استخدامها في هذه المادة المدفوعات أياً كان نوعها والمستلمة نظير استعمال، أو حق استعمال أي حقوق نشر لأعمال أدبية أو فنية أو علمية بما في ذلك الأفلام السينمائية وأفلام وأشرطة وأقراص البث التلفزيوني أو الإذاعي، أي براءة اختراع، علامة تجارية ، تصميم، نموذج، مخطط، تركيبة أو عملية إنتاجية سرية، أو مقابل استعمال أو الحق في استعمال معدات صناعية أو تجارية أو علمية، أو كمقابل معلومات تتعلق بخبرة صناعية أو تجارية أو علمية.

4- لا تطبق أحكام البندين (1) و (2) من هذه المادة ، إذا كان المالك المنتفع من الأتاوات كونه مقيماً في دولة متعاقدة، يزول أعمالاً في الدولة المتعاقدة الأخرى التي تنشأ فيها الإتاوات من خلال منشأة دائمة تقع فيها، أو إذا كان يؤدي في تلك الدولة المتعاقدة خدمات شخصية مستقلة من خلال مقر ثابت يقع فيها، وكان الحق أو الملكية اللتان تدفع عنهما الأتاوات يرتبطان ارتباطاً فعلياً بالأتي: (أ) هذه المنشأة الدائمة أو المقر الثابت، (ب) الأنشطة التجارية المشار إليها في (ج) من البند (1) من المادة (7) من هذه

الاتفاقية، ففي مثل هذه الحالة، تطبق أحكام المادة (7) أو المادة (15) من هذه الاتفاقية، حسب الحالة.

5- تعتبر الأتاوات ناشئة في دولة متعاقدة عندما يكون دافع الأتاوات تلك الدولة نفسها أو قسم سياسي فرعي أو سلطة محلية تابعة لها أو مقيماً في تلك الدولة. ومع ذلك، إذا كان الشخص دافع الإتاوات سواء كان مقيماً في دولة متعاقدة أم غير مقيم فيها، ولديه في الدولة المتعاقدة ، منشأة دائمة أو مقر ثابت يرتبط به الالتزام بدفع الأتاوات، وتتحمل تلك المنشأة الدائمة أو المقر الثابت عبء دفع هذه الأتاوات، عندئذ تعتبر تلك الأتاوات ناشئة في الدولة المتعاقدة التي تقع فيها المنشأة الدائمة أو المقر الثابت.

6- حيثما يتبين ، بسبب علاقة خاصة بين دافع الأتاوات والمالك المنتفع أو بينهما معاً وبين شخص آخر، فأن قيمة الأتاوات ، مع مراعاة الاستعمال أو الحق أو المعلومات التي تم دفعها عنها ، تتجاوز القيمة التي كان من الممكن أن يتم الاتفاق عليها بين الدافع والمالك المنتفع في غياب هذه العلاقة، فإن أحكام هذه المادة تنطبق فقط على القيمة المذكورة أخيراً. وفي مثل هذه الحالة، يبقى الجزء الزائد من المدفوعات خاضعاً للضريبة وفقاً لقوانين كل من الدولتين المتعاقدتين، مع ضرورة مراعاة الأحكام الأخرى الواردة في هذه الاتفاقية.

مادة (13)
مكافآت الخدمات الفنية

1- يجوز أن تخضع مكافآت الخدمات الفنية التى تنشأ في دولة متعاقدة وتدفع إلى مقيم في الدولة المتعاقدة الأخري للضريبة في الدولة المشار إليها أولاً. ولا تتجاوز الضريبة المفروضة 7,5 بالمائة من إجمالي مبلغ مكافآت الخدمات الفنية.

2- تعني عبارة " مكافآت الخدمات الفنية " حسب استخدامها في هذه المادة، المدفوعات أيا كان نوعها، لأي شخص ، غير الموظف لدى الشخص الذي يقوم بالمدفوعات، مقابل أي خدمات ذات طبيعة فنية أو إدارية أو استشارية.

3- لا تطبق أحكام البند (1) من هذه المادة ، إذا كان المالك المنتفع لمكافآت الخدمات الفنية كونه مقيماً في دولة متعاقدة، يزاول أعمالاً في الدولة المتعاقدة الأخرى التى تنشأ فيها مكافآت الخدمات الفنية من خلال منشأة دائمة فيها أو يؤدي في تلك الدولة الأخرى خدمات شخصية مستقلة ترتبط المكافآت ارتباطاً فعلياً مع هذه المنشأة الدائمة أو هذه الخدمات. ففي هذه الحالة تنطبق أحكام المادة (7) أو المادة (15) من هذه الاتفاقية، حسب الحالة.

4- تعتبر مكافآت الخدمات الفنية ناشئة في دولة متعاقدة عندما يكون الدافع هو تلك الدولة نفسها، أو قسم سياسي فرعى، أو سلطة محلية، أو مقيم في تلك الدولة. غير أنه إذا كانت للشخص الدافع لمكافآت الخدمات الفنية في دولة متعاقدة، بصرف النظر عن كونه مقيماً في الدولة المتعاقدة أم لا، منشأة دائمة أو مقر ثابت نشأ بشأنه إلتزام دفع مكافآت الخدمات الفنية ، وتحملت تلك المنشأة الدائمة أو المقر الثابت، فإن مكافآت الخدمات الفنية تلك تعتبر ناشئة في تلك الدولة المتعاقدة التى تقع فيها المنشأة الدائمة أو المقر الثابت.

5- حيثما يتبين، بسبب علاقة خاصة بين الدافع والمالك المنتفع أو بينهما وشخص آخر، تزيد مبالغ مكافآت الخدمات الفنية المدفوعة ، لأي سبب من الأسباب، عن المبالغ التي كان يمكن الاتفاق عليها من قبل الدافع والمالك المنتفع ، في غياب مثل هذه العلاقة، تطبق أحكام هذه المادة على المبلغ المذكور أخيراً فقط. وفي هذه الحالة، يبقى المبلغ

الزائد المدفوع خاضعاً للضريبة وفقاً لقوانين كل من الدولتين المتعاقدتين، مع مراعاة الأحكام الأخرى لهذه الإتفاقية.

مادة (14)

الأرباح الرأسمالية

أ) يجوز أن تخضع الأرباح المتحققة من نقل ملكية الأموال غير المنقولة المشار إليها في المادة (6) من هذه الإتفاقية، للضريبة في الدولة المتعاقدة التى توجد فيها هذه الأموال.

ب) الأرباح المتحققة عن نقل ملكية أموال منقولة تشكل جزءاً من الأموال التجارية لمنشأة دائمة يملكها مشروع دولة متعاقدة في الدولة المتعاقدة الأخرى، أو من أموال منقولة بمقر ثابت متاح لمقيم دولة متعاقدة في الدولة المتعاقدة الأخرى لغرض أداء خدمات شخصية مستقلة، بما في ذلك الأرباح التي تتحقق من نقل ملكية مثل هذه المنشأة الدائمة (بمفردها أو مع المشروع ككل) أو من نقل ملكية هذا المقر الثابت، يجوز إخضاعها للضريبة في تلك الدولة المتعاقدة الأخري.

ت) يجوز أن تخضع الأرباح المتحققة من نقل ملكية سفن أو طائرات يشغلها مشروع دولة متعاقدة في مجال النقل الدولي، أو من نقل ملكية أموال منقولة متعلقة بتشغيل تلك السفن أو الطائرات، للضريبة فقط في الدولة المتعاقدة التي يكون فيها المشروع مقيماً.

ث) يجوز أن تخضع الأرباح التى يحققها مقيم في دولة متعاقدة من نقل ملكية أسهم أو حقوق مشابهة أخرى في شركة، تتكون أصولها بشكل كلى أو أساسي من أموال غير منقولة تقع في الدولة المتعاقدة الأخرى ، للضريبة في تلك الدولة الأخرى،

ج) الأرباح المتأتية من نقل ملكية الأسهم غير المذكورة في البند (4) من هذه المادة، والتي يمثل مساهمة بأكثر من 22,5 بالمائة في شركة مقيمة في دولة متعاقدة، يجوز إخضاعها للضريبة في تلك الدولة.

ح) تخضع الأرباح المتحققة من نقل أي ملكية غير تلك المذكورة في البنود (1) و (2) و (3) و(4) و (5) من هذه المادة، للضريبة فقط في الدولة المتعاقدة التي يقيم فيها ناقل الملكية.

مادة (15)

الخدمات الشخصية المستقلة

1- الدخل الذي يحققه مقيم في دولة متعاقدة من خدمات مهنية أو أنشطة أخرى ذات طبيعة مستقلة يخضع للضريبة فقط في تلك الدولة باستثناء في الحالتين التاليتين حيث يجوز أن يخضع ذلك الدخل للضريبة في الدولة المتعاقدة الأخرى:

أ) إذا توفر للشخص مقر ثابت بصفة منتظمة في الدولة المتعاقدة الأخرى لأغراض القيام بأنشطته. ففي هذه الحالة، تفرض الضريبة فقط على ذلك الجزء من الدخل الذي يمكن أن ينسب إلى ذلك المقر الثابت في الدولة المتعاقدة الأخرى، أو

ب) إذا كان الشخص موجوداً في تلك الدولة المتعاقدة الأخرى لفترة أو لفترات تساوي أو تزيد في مجموعها على (183) يوماً في أي فترة أثنى عشر شهراً تبدأ أو تنتهي في السنة الضريبية المعنية. وفي هذه الحالة ، يجوز أن يخضع ذلك الجزء من الدخل المتحقق من أنشطة الشخص التى زاولها في تلك الدولة الأخرى، للضريبة في تلك الدولة .

2- تشمل عبارة "الخدمات المهنية" بوجه خاص الأنشطة العلمية أو الأدبية أو الفنية أو التعليمية المستقلة أو الأنشطة التدريسية بالإضافة إلى الأنشطة المستقلة الخاصة بالأطباء والمحامين والمهندسين والمهندسين المعماريين وأطباء الأسنان والمحاسبين.

مادة (16)
الخدمات الشخصية التابعة

1- مع مراعاة أحكام المواد (17) و (19) و (20) و (21) و (22) من هذه الاتفاقية، فإن الرواتب والأجور والمكافآت الأخرى المماثلة التي يحققها مقيم في دولة متعاقدة من وظيفة تخضع فقط للضريبة في هذه الدولة إلا إذا كانت الوظيفة تمارس في الدولة المتعاقدة الأخرى. فإذا كانت الوظيفة على هذا النحو، فيجوز أن تخضع مثل هذه المكافآت المتحققة منها للضريبة في الدولة المتعاقدة الأخرى.

2- على الرغم من أحكام البند (1) من هذه المادة ، تخضع المكافآت التي يحققها مقيم في دولة متعاقدة من وظيفة يمارسها في الدولة المتعاقدة الأخرى للضريبة فقط في الدولة المذكورة أولاً إذا:

أ) تواجد المستفيد في الدولة الأخرى لفترة أو لفترات لا تتجاوز في مجموعها على (183) يوماً خلال فترة أي اثنا عشر شهراً تبدأ أو تنتهي في السنة الضريبية المعنية،

ب) دفعت المكافآت من قبل أو نيابة عن صاحب عمل غير مقيم في الدولة الأخرى، و

ج) لم تكن المكافآت تتحملها منشأة دائمة أو مقر ثابت يملكه صاحب العمل في الدولة الأخرى.

3- على الرغم من الأحكام السابقة من هذه المادة، تخضع المكافآت المتحققة من ممارسة وظيفة على متن سفينة أو طائرة يتم تشغيلها في مجال النقل الدولي بواسطة مشروع تابع لدولة متعاقدة، للضريبة فقط في تلك الدولة.

مادة (17)

مكافآت المديرين

مكافآت المدراء وغيرها من المدفوعات المماثلة التي يحصل عليها مقيم في دولة متعاقدة بصفته عضواً في مجلس إدارة شركة مقيمة في الدولة المتعاقدة الأخرى، يجوز أن تخضع للضريبة في تلك الدولة الأخرى.

مادة (18)

الفنانـون والرياضيـون

1- على الرغم من أحكام المادتين (15) و (16) من هذه الاتفاقية، فإن الدخل الذى يحققه مقيم في دولة متعاقدة بصفته كممثل فناناً مسرحي أو سينمائي أو إذاعي أو تلفزيوني، أو موسيقياً أو رياضياً، من أنشطته الشخصية التى يمارسها بهذه الصفة في الدولة المتعاقدة الأخرى، يجوز أن يخضع للضريبة في تلك الدولة الأخرى.

2- حيثما يتحقق دخل مقابل أنشطة شخصية يزاولها فنان أو رياضي بصفته المذكورة، وكان ذلك الدخل ليس للفنان أو للرياضي نفسه وإنما لشخص آخر، فإن ذلك الدخل، وبالرغم من أحكام المواد (7) و (15) و (16) من هذه الاتفاقية ، يجوز أن تخضع للضريبة في الدولة المتعاقدة التي تمت فيها ممارسة أنشطة الفنان أو الرياضي.

3- الدخل الذى يحققه مقيم في دولة متعاقدة من أنشطة تمت مزاولتها في الدولة المتعاقدة الأخرى على النحو المذكور بالبندين (1) و (2) من هذه المادة، يعفى من الضريبة في تلك الدولة الأخرى إذا كانت الزيارة إلى تلك الدولة الأخرى مدعومة كلياً أو رئيسياً بأموال من أي من الدولتين المتعاقدتين أو أحد التقسيمات السياسية أو السلطات المحلية التابعة لهما. أو تتم في إطار برنامج تبادل ثقافي أو اتفاق ثقافي بين حكومتي الدولتين المتعاقدتين أو بين التقسيمات السياسية أو السلطات المحلية التابعة لهما.

مادة (19)

المعاشات والمرتبات العمرية

1- مع مراعاة أحكام البند (2) من المادة (20) من هذه الاتفاقية، فإن المعاشات والمكافآت الأخرى المماثلة والمرتبات العمرية التي تدفع إلى مقيم في دولة متعاقدة نظير وظيفة سابقة تخضع للضريبة فقط في تلك الدولة.

2- يعني مصطلح "مرتبات عمرية" مبلغاً محدداً يدفع دورياً في أوقات محددة خلال سنوات الحياة أو خلال فترة محددة أو يمكن تحديدها بموجب التزام بتسديد المبلغ مقابل تعويض كافٍ ووافٍ من المال أو ما يعادله.

مادة (20)

الخدمات الحكومية

1-

أ) المكافآت، خلاف المعاش ، التي تدفعها دولة متعاقدة أو أحد أقسامها السياسية الفرعية أو إحدى سلطاتها المحلية إلى فرد نظير خدمات أداها لتلك الدولة أو إلى القسم أو السلطة، تخضع للضريبة فقط في تلك الدولة،

ب) ومع ذلك، فإن مثل هذه المكافآت تخضع للضريبة فقط في الدولة المتعاقدة الأخرى إذا كانت الخدمات قد تم أداؤها في هذه الدولة الأخرى ويكون الفرد مقيماً فيها وكان:

(1) أحد مواطني تلك الدولة الأخرى، أو

(2) لم يصبح مقيماً في تلك الدولة الأخرى من أجل تقديم الخدمات فقط.

2-

أ) يخضع أي معاش يدفع من قبل، أو من خلال صناديق تنشئها دولة متعاقدة أو أحد أقسامها السياسية الفرعية أو إحدى سلطاتها المحلية إلى فرد مقابل خدمات قدمها لتلك الدولة أو القسم أو السلطة ، للضريبة فقط في تلك الدولة،

ب) ومع ذلك، يخضع مثل هذا المعاش للضريبة فقط في الدولة المتعاقدة الأخرى إذا كان الفرد مقيماً في تلك الدولة ومن مواطنيها.

3- تطبق أحكام المواد (16) و (17) و (19) من هذه الاتفاقية، على المكافآت والمعاشات المتعلقة بتأدية خدمات مرتبطة بأعمال تمت مزاولتها من قبل دولة متعاقدة أو أحد أقسامها السياسية الفرعية أو إحدى سلطاتها المحلية.

مادة (21)

الطـــلاب والمتدربون

1- المبالغ التي يتسلمها طالب أو متدرب مهني، أو متمرن، يكون أو كان قبيل زيارته مباشرة لدولة متعاقدة مقيماً في الدولة المتعاقدة الأخرى وتواجد في الدولة المذكورة أولاً لغرض دراسته أو تلقيه تدريباً فقط، من أجل معيشته أو تعليمه أو تدريبه، لا تخضع للضريبة في تلك الدولة ، شريطة أن تكون تلك المبالغ ناشئة من مصادر خارج تلك الدولة .

2- بالرغم من أحكام المادتين (15) و (16) من هذه الإتفاقية، المكافآت التي يتسلمها طالب أو متدرب مهني ، مقابل خدمات يقدمها طالب أو متدرب مهني أو متمرن في دولة متعاقدة، لا تخضع للضريبة في تلك الدولة، شريطة أن تكون تلك الخدمات مرتبطة بدراسته أو تدريبه.

مادة (22)

الأساتذة والباحثون

1- الفرد الذي يكون أو كان مباشرة قبيل زيارته لدولة متعاقدة مقيماً في الدولة المتعاقدة الأخرى وتواجد في الدولة المتعاقدة المذكورة أولاً أساساً لغرض التدريب أو تقديم محاضرات أو القيام بأبحاث في جامعة، كلية، أو معهد أو مؤسسة تربوية أو مؤسسة أبحاث علمية مصادق عليها من قبل حكومة الدولة المتعاقدة المذكورة أولاً، يعفى من الضريبة في الدولة المذكورة أولاً لفترة ثلاث سنوات من تاريخ أول دخول للدولة المتعاقدة المذكورة أولاً، وذلك فيما يتعلق بالمكافآت التى يتلقاها مقابل ذلك التدريب أو تلك المحاضرات أو الأبحاث.

2- لا تطبق أحكام البند (1) من هذه المادة، على الدخل من الأبحاث إذا كانت تلك الأبحاث لا تتم للمصلحة العامة ولكن أساساً للمصلحة الخاصة لشخص أو أشخاص محددين.

مادة (23)

الدخـل الآخـر

1- تخضع عناصر دخل مقيم في دولة متعاقدة، أينما تنشأ، والتي لم تعالجها المواد السابقة من هذه الاتفاقية، للضريبة فقط في تلك الدولة.

2- لا تنطبق أحكام البند (1) من هذه المادة، على الدخل بخلاف الدخل على الممتلكات غير المنقولة وفقاً للتعريف الوارد في البند (2) من المادة (6) من هذه الإتفاقية، إذا كان متلقي هذا الدخل، كونه مقيماً في دولة متعاقدة، يزاول أعمالاً في الدولة المتعاقدة الأخرى من خلال منشأة دائمة تقع فيها، أو يؤدي في تلك الدولة الأخرى، خدمات شخصية مستقلة من مقر ثابت تقع فيها وكان الحق أو الملكية التى يدفع عنها الدخل يرتبط ارتباطا فعلياً بتلك المنشأة الدائمة أو المقر الثابت. وفي مثل هذه الحالة تطبق أحكام المادة (7) أو المادة (15) من هذه الإتفاقية، بحسب الحالة.

3- بالرغم من أحكام البندين (1) و (2) من هذه المادة، فإن عناصر دخل مقيم في دولة متعاقدة والتي لم تعالجها المواد السابقة من هذه الاتفاقية، وتنشأ في الدولة المتعاقدة الأخرى، يجوز أيضاً أن تخضع للضريبة في تلك الدولة الأخرى.

مادة (24)

تجنب الازدواج الضريبي

1- حيثما يحقق مقيم في دولة متعاقدة دخلاً خاضعاً للضريبة في الدولة المتعاقدة الأخرى استناداً إلى أحكام هذه الاتفاقية، عندئذ تسمح الدولة المذكورة أولاً بخصم مبلغاً من الضريبة المفروضة علي دخل ذلك المقيم يساوي الضريبة المدفوعة في الدولة المتعاقدة الأخرى، شريطة أن لا يتجاوز الخصم ذلك الجزء من تلك الضريبة المنسوبة إلى الدخل المتحقق في الدولة المتعاقدة الأخرى والمحتسبة قبل إعطاء الخصم.

2- حيثما يحقق مقيم في دولة متعاقدة دخلاً خاضعاً للضريبة استناداً لأحكام هذه الإتفاقية، سيكون خاضعاً للضريبة فقط في الدولة المتعاقدة الأخرى ، عندئذ يمكن للدولة المتعاقدة المذكورة أولاً تضمين هذا الدخل في الوعاء الضريبي ولكن فقط لغرض تحديد معدل الضريبة على الدخل الآخر كما هو خاضع في تلك الدولة المتعاقدة.

3- لأغراض البند (1) من هذه المادة، الضرائب المدفوعة في فيتنام أو قطر، كما يقتضي السياق، تعتبر شاملة للضريبة التى يفترض أن تدفع في دولة متعاقدة، ولكن تم تخفيضها أو التخلي عنها من قبل تلك الدولة المتعاقدة وفقاً لأحكامها القانونية للتنمية الإقتصادية.

مادة (25)

عدم التمييز

1- لا يخضع مواطنو دولة متعاقدة في الدولة المتعاقدة الأخرى لأية ضريبة أو أية متطلبات تتعلق بها تكون مغايرة أو أكثر عبئا من الضريبة والمتطلبات المتعلقة بها، والتي يخضع أو يجوز أن يخضع لها مواطنو تلك الدولة المتعاقدة الأخرى في نفس الظروف المماثلة.

2- يجب عدم فرض ضريبة على منشأة دائمة يملكها مشروع دولة متعاقدة في الدولة المتعاقدة الأخرى بشكل أقل رعاية في تلك الدولة الأخرى، من فرض الضريبة على مشاريع لتلك الدولة الأخرى تقوم بمزاولة ذات النشاطات. ولا يعتبر هذا الحكم ملزماً لدولة متعاقدة بمنح مقيمين في الدولة المتعاقدة الأخرى أية علاوات شخصية أو استثناءات أو تخفيضات لأغراض ضريبية بسبب الحالة المدنية أو المسؤوليات العائلة التي تمنحها للمقيمين فيها.

3- مشاريع دولة متعاقدة والتي يملك رأسمالها ، جزئياً أو كلياً ، أو يديرها بشكل مباشر أو غير مباشر، مقيم أو أكثر من مقيم في الدولة المتعاقدة الأخرى، يجب أن لا تخضع في الدولة المذكورة أولاً لأية ضرائب أو أية متطلبات مرتبطة بها والتي قد تكون مغايرة أو أكثر عبئاً من الضرائب أو المتطلبات المتعلقة بها والتي تخضع أو يجوز أن تخضع لها مشاريع أخرى مماثلة تابعة للدولة المذكورة أولاً.

4- باستثناء الحالات التى تطبق فيها أحكام البند (1) من المادة (9) ، والبند (8) من المادة (11)، والبند (5) من المادة (12) ، والبند (5) من المادة (13) من هذه الاتفاقية، الفائدة والأتاوات و مكافآت الخدمات الفنية وأى مدفوعات أخرى يتم سدادها من قبل مشروع دولة متعاقدة لمقيم في الدولة المتعاقدة الأخري سيكون، لأغراض تحديد ضريبة أرباح مثل هذا المشروع، قابلاً للخصم وفق نفس الشروط كما لو كانت تدفع لمقيم في الدولة المذكورة أولاً.

5- لا تنطبق أحكام هذه المادة إلا على الضرائب موضوع هذه الإتفاقية.

6- لا يعتبر عدم فرض الضريبة علي مواطني قطر وبقية دول مجلس التعاون الخليجي في إطار القانون المحلي القطري تمييزاً بموجب أحكام هذه المادة.

مادة (26)

إجراءات الاتفاق المشترك

1- حيثما يعتبر مقيم أن إجراءات إحدى الدولتين أو كلتيهما تؤدي أو سوف تؤدي فيما يخصه إلى فرض ضريبة لا تتفق مع أحكام هذه الاتفاقية يجوز له، وبغض النظر عن الحلول التي تنص عليها القوانين المحلية في هاتين الدولتين ، عرض قضيته أمام السلطة المختصة التابعة للدولة المتعاقدة التي يقيم فيها ، ويجب أن يتم عرض القضية خلال ثلاث سنوات من تاريخ أول إشعار بالإجراء المؤدي إلى فرض الضريبة غير الموافق لأحكام الاتفاقية.

2- يتعين على السلطة المختصة، إذا تبين لها أن الاعتراض مسوغاً وإذا لم تكون هي قادرة على التوصل إلى حل مرضي، أن تسعى إلى تسوية القضية عن طريق الاتفاق المشترك مع السلطة المختصة بالدولة المتعاقدة الأخرى وذلك من أجل تجنب فرض ضريبة لا تتفق مع أحكام هذه الاتفاقية. أي اتفاق يتم التوصل إليه يجب تنفيذه على الرغم من أية فترات تقادم في القانون المحلي للدولتين المتعاقدتين.

3- يجب على السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين أن تسعى بشكل مشترك إلى التغلب على الصعوبات أو الغموض الذي قد ينشأ جراء تفسير أو تطبيق هذه الاتفاقية. كما ويجوز لهما التشاور فيما بينهما لإزالة الازدواج الضريبي في الحالات التي لم ترد في هذه الاتفاقية.

4- يجوز أن تتصل السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين مع بعضهما البعض بشكل مباشر من أجل التوصل إلى اتفاق حسب مفهوم البنود السابقة. وينبغي على السلطات المختصة أن تطور ، من خلال المشاورات، إلى إجراءات ثنائية متبادلة، وشروط وطرق وأساليب لتنفيذ إجراءات الاتفاق المشترك المنصوص عليها في هذه المادة.

مادة (27)

تبـادل المعلومـات

1- يتعين على السلطات المختصة في الدولتين المتعاقدتين أن تتبادل المعلومات كلما كان ذلك ضرورياً لتنفيذ أحكام هذه الاتفاقية أو القوانين المحلية للدولتين المتعاقدتين الخاصة بالضرائب المشمولة في هذه الاتفاقية، طالما أن تلك الضريبة ليست مخالفة للاتفاقية. وتعامل أي معلومات تتلقاها دولة متعاقدة بسرية على نفس النحو الذي تعامل به المعلومات التي يتم الحصول عليها وفقاً للقوانين المحلية لتلك الدولة. إلا أنه إذا كانت المعلومة تعتبر سرية في الدولة التى تقدمها، لا يتم الكشف عنها إلا للأشخاص أو السلطات (بما في ذلك المحاكم والهيئات الإدارية) المعنية بمجال التقدير أو التحصيل أو التنفيذ أو إقامة الدعوى فيما يخص تحديد أو البت بالطعون المتعلقة بالضرائب المشمولة بهذه الاتفاقية. وعلى هؤلاء الأشخاص أو السلطات استخدام تلك المعلومات لمثل هذه الأغراض فقط، ويجوز لهم الكشف عن المعلومات في إجراءات المحكمة العلنية أو القرارات القضائية. ويتعين على السلطات المختصة، ومن خلال التشاور، تطوير الشروط والطرق والأساليب المناسبة فيما يخص المسائل التى يتم بشأنها إجراء ذلك التبادل، بما في ذلك تبادل المعلومات فيما يخص تجنب الضرائب حيثما يكون ذلك مناسباً.

2- لا يجوز بأي حال من الأحوال تفسير أحكام البند (1) من هذه المادة ، بشكل يؤدي إلى إلزام الدولة المتعاقدة بما يلي:

أ) تنفيذ إجراءات إدارية مخالفة للقوانين أو للممارسات الإدارية في تلك الدولة أو في الدولة المتعاقدة الأخرى،

ب) تقديم معلومات لا يمكن الحصول عليها بموجب القوانين أو النظم الإدارية المعتادة فيها أو في الدولة المتعاقدة الأخرى،

ج) تقديم معلومات من شأنها أن تكشف أسرار التجارة أو الأعمال أو الصناعة أو المعاملات التجارية أو المهنية، أو معلومات قد يكون الكشف عنها مخالفاً للنظام العام.

مادة (28)

أعضاء البعثات الدبلوماسية والموظفون والقنصليون

لا تؤثر أحكام هذه الاتفاقية على الامتيازات المالية الممنوحة لأعضاء بعثة دبلوماسية أو الموظفون القنصليون بموجب القواعد العامة للقانون الدولي أو بموجب أحكام اتفاقيات خاصة.

مادة (29)

دخول حيز التنفيذ

1- تبلغ كل دولة متعاقدة الدولة المتعاقدة الأخرى خطياً من خلال القنوات الدبلوماسية باكتمال الإجراءات التي تتطلبها تشريعاتها من أجل دخول هذه الاتفاقية حيز التنفيذ. وتدخل هذه الاتفاقية حيز التنفيذ في اليوم الثلاثين من تاريخ آخر هذين الإخطارين.

2- تسري أحكام هذه الاتفاقية :

أ) فيما يتعلق بالضرائب المستقطعة من المنبع، على المبالغ الخاضعة للضريبة المدفوعة أو الدائنة في أو بعد اليوم الأول من يناير التالي مباشرةً للسنة الميلادية التى دخلت فيها الإتفاقية حيز النفاذ، في السنوات الميلادية اللاحقة.

ب) بالنسبة للضرائب الأخرى:

(1) وفي حالة فيتنام، بالنسبة للدخل الناشئ في السنة الميلادية التي تلي مباشرة السنة الميلادية التي دخلت فيها هذه الإتفاقية حيز النفاذ و في السنوات الميلادية اللاحقة.

(2) في حالة قطر، بالنسبة للدخل الناشئ في السنوات الضريبية التي تبدأ في أو بعد اليوم الأول من يناير التالي مباشرةً للسنة الميلادية الذي دخلت فيها الإتفاقية حيز النفاذ.

مادة (30)
إنهاء الاتفاقية

تظل هذه الاتفاقية نافذة المفعول حتى تنهيها إحدى الدولتين المتعاقدتين. إلا أنه يجوز لأي من الدولتين المتعاقدتين إنهاء هذه الإتفاقية عبر القنوات الدبلوماسية بإخطار كتابي بالإنهاء للدولة المتعاقدة الأخرى في فترة لا تقل عن ستة أشهر قبل نهاية أي عام ميلادي يلي إنقضاء فترة خمس سنوات من تاريخ دخول هذه الإتفاقية حيز النفاذ. في هذه الحالة، يتوقف سريان هذه الإتفاقية:

أ) فيما يتعلق بالضرائب المستقطعة من المنبع، على المبالغ المدفوعة أو الدائنة في أو بعد اليوم الأول من يناير التالي من السنة الميلادية التي تم فيها تسليم الإخطار،

ب) بالنسبة للضرائب الأخري:

(1) في حالة فيتنام، بالنسبة للدخل الناشئ في السنوات الميلادية التي تلي مباشرة السنة الميلادية التي تم فيها تسليم الإخطار في السنوات الميلادية اللاحقة.

(2) في حالة دولة قطر، بالنسبة للدخل الناشئ في السنوات الضريبية التي تبدأ في أو بعد اليوم الأول من يناير التالي مباشرة للسنة الميلادية التي تم فيها تسليم الإخطار.

مادة (30)

إنهاء الاتفاقية

تظل هذه الاتفاقية نافذة المفعول حتى تنهيها إحدى الدولتين المتعاقدتين. إلا أنه يجوز لأي من الدولتين المتعاقدتين إنهاء هذه الإتفاقية عبر القنوات الدبلوماسية بإخطار كتابي بالإنهاء للدولة المتعاقدة الأخرى في فترة لا تقل عن ستة أشهر قبل نهاية أي عام ميلادي يلي انقضاء فترة خمس سنوات من تاريخ دخول هذه الإتفاقية حيز النفاذ. في هذه الحالة، يتوقف سريان هذه الاتفاقية:

أ) فيما يتعلق بالضرائب المستقطعة من المنبع، على المبالغ المدفوعة أو الدائنة في أو بعد اليوم الأول من يناير التالي من السنة الميلادية التي تم فيها تسليم الإخطار،

ب) بالنسبة للضرائب الأخري:

(1) في حالة دولة قطر، بالنسبة للدخل الناشئ في السنوات الضريبية التي تبدأ في أو بعد اليوم الأول من يناير التالي مباشرة للسنة الميلادية التي تم فيها تسليم الإخطار،

(2) في حالة جمهورية فيتنام، بالنسبة للدخل الناشئ في السنوات الميلادية التي تلي مباشرة السنة الميلادية التي تم فيها تسليم الإخطار في السنوات الميلادية اللاحقة.

إشهاداً على ذلك وقع المفوضان أدناه حسب الأصول المرعية على هذه الاتفاقية.

حررت هذه الاتفاقية ووقعت في مدينة الدوحة بتاريخ 2009/3/8م بكل من اللغات العربية و الفيتنامية والإنجليزية، ولكل منها ذات الحجية. وفي حالة الاختلاف في التفسير يرجح النص المحرر باللغة الإنجليزية .

عن / حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية

بام جيا خيم

نائب رئيس مجلس الوزراء ووزير الخارجية والمالية

عن / حكومة دولة قطر

يوسف حسين كمال

وزير الاقتصاد